

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 6 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1992 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Tô Trường G, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2016, bà và ông Tô Trường G chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung

sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài do không hòa hợp trong lối sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, mâu thuẫn, ông G thường xuyên ăn nhậu về chửi mắng bà. Bà và ông G đã không thể tự hòa giải, hàn gắn. Giữa bà và ông G không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2019 âm lịch cho đến nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Tô Trường G.

Về con chung: Có 01 người tên là Tô Thị Tuyết M (giới tính nữ) sinh ngày 30/10/2018. Hiện tại con chung đang do bà nuôi, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2020, bị đơn là ông Tô Trường G trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn, thời gian không còn sống chung đúng như bà Nguyễn Thị C trình bày. Về mâu thuẫn thì bà C cho rằng ông thường ăn nhậu là không đúng, có chửi một lần. Từ khi không còn chung sống với nhau gia đình đã có tự hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Nay vẫn còn tình thương đối với bà C, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đúng có 01 người tên là Tô Thị Tuyết M (giới tính nữ) sinh ngày 30/10/2018. Hiện tại con chung đang do bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Chính quyền địa phương xã P, huyện P, tỉnh C xác định: Quá trình mâu thuẫn gia đình dẫn đến việc ly hôn giữa bà Nguyễn Thị C và ông Tô Trường G không yêu cầu Ủy ban nhân dân xã hòa giải nên chính quyền địa phương không biết được tình trạng mâu thuẫn gia đình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị C ly hôn với ông Tô Trường G. Về con chung, giao Tô Thị Tuyết M (giới tính nữ) sinh ngày 30/10/2018 cho bà Nguyễn Thị C tiếp tục nuôi dưỡng, ông G phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc ông bà Nguyễn Thị C phải chịu, án phí cấp dưỡng nuôi con buộc ông Tô Trường G phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị C yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Tô Trường G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Tô Trường G vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Tô Trường G.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Tô Trường G chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C, được chứng nhận kết hôn vào ngày 12/7/2016. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị C và ông Tô Trường G được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị C xác định xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài do không hòa hợp trong lối sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, mâu thuẫn, ông G thường xuyên ăn nhậu về chửi mắng bà. Bà và ông G đã không thể tự hòa giải, hàn gắn. Giữa bà và ông G không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2019 âm lịch cho đến nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn và tiếp tục cuộc sống chung. Bà Nguyễn Thị C nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Tô Trường G. Ông Tô Trường G cho rằng ông thường ăn nhậu là không đúng chỉ thỉnh thoảng giao tiếp bạn bè, tuy nhiên ông có chửi bà C một lần. Từ khi không còn chung sống với nhau gia đình hai bên đã có tự hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Nay ông vẫn còn tình thương đối với bà C, ông không đồng ý ly hôn. Mặc dù ông G cho rằng mâu thuẫn nhỏ, cả hai không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2019 âm lịch cho đến nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà C xác định không còn tình thương dành cho ông G đồng thời cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị C và ông Tô Trường G đã và đang trầm trọng. Do đó, việc bà Nguyễn Thị C yêu cầu ly hôn với ông Tô Trường G là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Tô Trường G thống nhất xác định cả hai có với nhau 01 người con chung tên là Tô Thị Tuyết M (giới tính nữ) sinh ngày 30/10/2018 hiện do bà C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị C và ông Tô Trường G thống nhất thỏa thuận là giao con chung cho bà Nguyễn Thị C chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Tô Trường G cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự nên có căn cứ để ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự thống nhất tự xác định không có, đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị C phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27; về án phí cấp dưỡng nuôi con ông Tô Trường G phải chịu theo điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị C ly hôn với ông Tô Trường G.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Bà Nguyễn Thị C chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Tô Thị Tuyết M (giới tính nữ) sinh ngày 30/10/2018 cho đến khi Tô Thị Tuyết M đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Tô Trường G cấp dưỡng nuôi con, cụ thể:

- Mức cấp dưỡng: 745.000 đồng.

- Phương thức cấp dưỡng: Được thực hiện định kỳ hàng tháng.

- Thời gian cấp dưỡng: Được tính kể từ ngày 15/6/2020 (tuyên án sơ thẩm), cấp dưỡng cho đến khi con chung đã thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền (cấp dưỡng) thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Tô Trường G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị C đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011574, ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Tô Trường G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân
(khi án có hiệu lực);
- UBND xã P, huyện P,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước